

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÀM THUẬN BẮC
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 51/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 09-6-2023.
v/v ly hôn, trA chấp về
nuôi con.

**NHÂN DA
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀM THUẬN BẮC,
TỈNH BÌNH THUẬN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tâm.

Các Hội thẩm nhân dân: 1/Ông Nguyễn Văn Tới.
2/Ông Nguyễn Thành Hiếu.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Lê Thị Phương Trinh – Thư ký tòa án của Tòa án nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận:*
Bà Huỳnh Thị Ngọc Hiệp – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 09 tháng 6 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 05/2023/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 01 năm 2023 về “ly hôn, trA chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 04/5/2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 38/2023/QĐST-HNGĐ ngày 22/5/2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: A Trần Quốc A, sinh năm 1986 (có mặt).

2. Bị đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1990 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Thôn K, xã H, huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Tại Đơn khởi kiện ngày 05/12/2022, bản tự khai và trong quá trình xét xử, nguyên đơn A Trần Quốc A trình bày:* A và chị Nguyễn Thị T cưới nhau vào năm 2009, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hàm Thắng, huyện Hàm Thuận Bắc. Việc cưới nhau là do hai bên tự nguyện, không bị ai ép buộc và được gia đình hai bên đồng ý. Vợ chồng sống với nhau khoảng 15 năm thì xảy ra mâu thuẫn.

Nguyên nhân mâu thuẫn do không hợp quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Chị T không chăm lo gia đình, con cái, mọi trang trải trong gia đình một mình A A lo liệu. Tuy nhiên theo A A, một phần nguyên nhân mâu thuẫn cũng do A A làm tài xế, thường xuyên đi làm xa, vắng nhà nên tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt, không thể hàn gắn. Vợ chồng sống cùng mẹ chồng, mối quan hệ mẹ chồng con dâu đôi lúc cũng có lời qua tiếng lại, A A cũng cố gắng sắp xếp giữa đôi bên. A cũng nhiều lần khuyên ngăn vợ thay đổi, quan tâm đến gia đình hơn, chị T hứa hẹn nhưng vẫn chứng nào tật nấy, không hề thay đổi, ngày càng hờ hợt hơn trong cuộc sống vợ chồng. Từ tháng 8/2022, chị T tự ý bỏ nhà đi đến nay, từ đó vợ chồng không liên lạc với nhau nữa. Nay A xác định tình cảm vợ chồng không còn nữa và nguyện vọng của A là yêu cầu ly hôn với chị Nguyễn Thị T.

- Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung tên Trần A T, sinh ngày 02/01/2009; Trần Nguyễn Khánh Q, sinh ngày 01/6/2012; Trần Gia K, sinh ngày 24/10/2018.

Hiện nay các con đang sống cùng A A. Khi ly hôn, A yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi các con, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, do **chị Nguyễn Thị T** vắng mặt nên yêu cầu Tòa giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tòa án cùng chính quyền địa phương đã nhiều lần đến nhà **chị Nguyễn Thị T** để tổng đạt các văn bản tố tụng, **chị Nguyễn Thị T** cố tình lẩn tránh, vắng mặt nên Tòa án không thể tiến hành các thủ tục tố tụng như ghi lời khai, lập Biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và Biên bản hòa giải nên Tòa xét xử vắng mặt đối với **chị Nguyễn Thị T** theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật trA chấp và thẩm quyền:

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn, giải quyết về con chung với bị đơn **chị Nguyễn Thị T**. Bị đơn có địa chỉ thường trú ở xã Hàm Thắng, huyện Hàm Thuận

Bắc, tỉnh Bình Thuận. Căn cứ vào Khoản 01 Điều 28, Điểm a Khoản 01 Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, xác định quan hệ pháp luật trA chấp trong vụ án này là “Ly hôn, trA chấp về nuôi con”, thẩm quyền giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm thuộc Tòa án nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận.

[2]. Về tố tụng: Xét bị đơn **chị Nguyễn Thị T** đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án theo quy định của pháp luật, nhưng vẫn vắng mặt 02 lần tại phiên tòa không có lý do nên căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn **chị Nguyễn Thị T**.

[3]. Về nội dung:

+ Về hôn nhân: Hôn nhân của **A Trần Quốc A** và **chị Nguyễn Thị T** có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân **xã Hàm Thắng, huyện Hàm Thuận Bắc** theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 25, quyển số 01/2009, ngày 10/3/2009 của Ủy ban nhân dân **xã Hàm Thắng, huyện Hàm Thuận Bắc**, đây là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của **A A**, Hội đồng xét xử thấy rằng: Trong vụ án này **A A** khai ra nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do không hợp quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cãi nhau. **Chị T** không chăm lo gia đình, con cái, mọi trang trải trong gia đình một mình **A A** lo liệu. Tuy nhiên theo **A A**, một phần nguyên nhân mâu thuẫn cũng do **A A** làm tài xế, thường xuyên đi làm xa, vắng nhà nên tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt, không thể hàn gắn. Vợ chồng sống cùng mẹ chồng, mối quan hệ mẹ chồng con dâu đôi lúc cũng có lời qua tiếng lại, **A A** cũng cố gắng sắp xếp giữa đôi bên. **A** cũng nhiều lần khuyên ngăn vợ thay đổi, quan tâm đến gia đình hơn, **chị T** hứa hẹn nhưng vẫn chứng nào tật nấy, không hề thay đổi, ngày càng hời hợt hơn trong cuộc sống vợ chồng. Từ tháng 8/2022, **chị T** tự ý bỏ nhà đi đến nay, từ đó vợ chồng không liên lạc với nhau nữa. Xét mâu thuẫn của **A A và chị T** đã lâm vào tình trạng trầm trọng, thể hiện qua việc khi Tòa án thông báo về yêu cầu ly hôn của **A A thì chị T** không có ý kiến hay động tác gì để hàn gắn mà bỏ mặc; khi Tòa án tổ chức hòa giải đoàn tụ thì **chị T** vắng mặt không tham dự. Việc **chị T** không có ý kiến khi **A A** xin ly hôn, không tham dự phiên hòa giải, phiên tòa vừa vi phạm nghĩa vụ bị đơn vừa đánh mất cơ hội hòa giải đoàn tụ tại Tòa án. Chứng tỏ, **chị T** không có thiện chí hòa giải tình cảm để hàn gắn quan hệ vợ chồng với **A A**, mâu thuẫn vợ chồng của **A**, **chị** không được cải thiện, đời sống chung không thể kéo

dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của A A.

+ *Về con chung*: Vợ chồng có 03 con chung tên Trần A T, sinh ngày 02/01/2009; Trần Nguyễn Khánh Q, sinh ngày 01/6/2012; Trần Gia K, sinh ngày 24/10/2018.

Hiện nay các con đang sống cùng A A. Khi ly hôn, A A yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng 03 con chung. A A không yêu cầu **chị T** cấp dưỡng nuôi con vì A đủ điều kiện để nuôi con.

Xét yêu cầu giải quyết về con chung của A A, Hội đồng xét xử thấy rằng: Đối với cháu Trần A T, sinh ngày 02/01/2009 và cháu Trần Nguyễn Khánh Q, sinh ngày 01/6/2012 đã trên 7 tuổi khi hỏi nguyện vọng của cháu T và cháu Q thì các cháu có yêu cầu được ở với ba là A A, cháu K còn nhỏ chưa đủ tuổi để hỏi nguyện vọng, hiện nay A A đang trực tiếp nuôi dưỡng 03 con và trong thời gian qua A A nuôi dưỡng con tốt. Căn cứ vào Khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình quy định “*Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con*”. Việc A A yêu cầu được quyền tiếp tục nuôi dưỡng 03 con chung tên Trần A T, sinh ngày 02/01/2009; Trần Nguyễn Khánh Q, sinh ngày 01/6/2012; Trần Gia K, sinh ngày 24/10/2018 là hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con: A A không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử đã giải thích việc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con là quyền lợi của con, nhưng A A tự nguyện không yêu cầu cấp dưỡng vì A đủ khả năng, điều kiện nuôi con. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

+ Về tài sản: Không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

+ Về nợ chung: Không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4]. *Về án phí*: A Trần Quốc A phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Chị Nguyễn Thị T không phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 01 Điều 28, Điểm a Khoản 01 Điều 35, Điều 39, Điều 70, Điều 143, Điều 144, Điều 145, Điều 146, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1]. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa **A Trần Quốc A** và **chị Nguyễn Thị T**.

[2]. Về con chung: Giao 03 con chung tên Trần A T, sinh ngày 02/01/2009; Trần Nguyễn Khánh Q, sinh ngày 01/6/2012; Trần Gia K, sinh ngày 24/10/2018 cho **A Trần Quốc A** trực tiếp nuôi dưỡng.

Về mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng: Không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Chị Nguyễn Thị T được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con và cấp dưỡng nuôi con khi cần thiết.

[3]. Về tài sản và nợ: Không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4]. Về án phí: **A Trần Quốc A** phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm. A đã nộp đủ 300.000đ theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0014326 ngày 04 tháng 01 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận, nên không phải nộp nữa.

Chị Nguyễn Thị T không phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

[5]. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 09/6/2023), đương sự

vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận.
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc.
- Thi hành án dân sự huyện Hàm Thuận Bắc.
- UBND **xã Hàm Thắng**.
- Các đương sự.
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên Tòa

Đã ký

Nguyễn Thị Tâm